

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 7 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã C.L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 10 năm 2020. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến tháng 02/2021 chị H bỏ về nhà ngoại ở, sau đó chị H đi lao động xuất khẩu Nhật Bản. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm nhau từ đó cho đến nay. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị H, anh xác định chị H không cho anh biết và cả gia đình nhà chị H cũng đều không biết. Từ khi chị H sang Nhật Bản, chị cũng không hề liên lạc gì với anh nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng không có sự liên lạc và quan tâm đến nhau. Chị H cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, anh xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 22/6/2022 và ngày 30/6/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Dương Thị A, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm C, xã C.L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của chị Hà Thị H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho chị H được biết việc anh Q đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị H có gọi điện về trực tiếp trao đổi lại: “Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn, xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh Q xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không đề nghị giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

Về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét, cuộc sống vợ chồng giữa anh Q và chị H không còn tình cảm, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau, sống ly thân, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vậy, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

- Áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Công văn 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn Q, cho anh Q được ly hôn với chị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí: Anh Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 11572/QLXNC-P5 ngày 08/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định công dân Hà Thị H, sinh ngày 03/04/1994 có thông tin xuất cảnh ngày 25/4/2022 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 3 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Hoàng Văn Q chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là bà Dương Thị A, có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà H cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa anh Hoàng Văn Q và chị Hà Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh Q khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến tháng 02/2021 chị H bỏ về nhà ngoại và sau đó đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Từ đó đến nay vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương nhau. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ đẻ chị H), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ trước, không thể hòa giải nên chị mới bỏ về nhà ngoại ở. Sau đó, chị đã đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh Q xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh Q và chị H đã không còn tình cảm vợ chồng, cũng không còn quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q, cho anh Q được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Q và chị H đều xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Q phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37, điều 39 và điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ công văn số 253/2018/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn Q. Cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn với chị Hà Thị H.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Hoàng Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000119 ngày 25/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận anh Hoàng Văn Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Án hôn nhân và gia đình xét xử công khai sơ thẩm. Có mặt anh Hoàng Văn Q, báo cho anh Q biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

Vắng mặt chị Hà Thị H, báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã S, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ích Yên